

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ – ST.

Ngày: 15/9/ 2020

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp; Ông Lò Văn Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Thúc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2020/TLST - HNGĐ ngày 17/6/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 21/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quàng Thị T, sinh năm 1988.

2. Bị đơn: Anh Cà Văn Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Đều trú tại bản HN, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La. (đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2020, tại bản tự khai, B bản hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn chị Quàng Thị T trình bày:

Chị Quàng Thị T và anh Cà Văn Đ kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 23/5/2012, tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do anh không chịu lao động, chơi bời sử dụng ma túy dẫn đến nghiện ma túy, mặc dù đã được chị T cùng gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn, việc anh Đ sử dụng ma túy đã ảnh hưởng lớn đến cuộc sống gia đình, ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con cái (anh Đ hiện đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở vệ tinh huyện TC, tỉnh Sơn La). Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Cà Văn Đ.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung, cháu Cà Thị B, sinh ngày 17/8/2004 và cháu Cà Văn H, sinh ngày 06/9/2009. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dạy và chăm sóc cả hai con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị T cam đoan không có nợ chung.

Tại Bản tự khai, tại B bản hòa giải, tại phiên tòa bị đơn anh Cà Văn Đ trình bày:

Anh Đ và chị T kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 23/5/2012, tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Anh Đ thừa nhận sau khi vợ chồng kết hôn cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng.

Anh thừa nhận trong thời gian sống chung, do ham chơi bởi anh đã nghiện ma túy, mặc dù đã được chị T và gia đình nhiều lần can ngăn nhưng anh không sửa chữa được. Anh Điền cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn chị Quàng Thị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu Cà Thị B, sinh ngày 17/8/2004 và cháu Cà Văn H, sinh ngày 06/9/2009. Anh Đ không nhất trí giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng, anh có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai cháu Cà Thị B và cháu Cà Văn H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mức 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)/01 tháng/01 cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Đ cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên Tiếp cận công khai chứng cứ các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Quàng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72 và Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử cho chị Quảng Thị T được ly hôn anh Cà Văn Đ, Giao cháu Cà Thị B, sinh ngày 17/8/2004 và cháu Cà Văn H, sinh ngày 06/9/2009 cho chị Quảng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Về tài sản chung chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản riêng: Không có; Về nợ chung chị T và anh Đ cam đoan không có nợ chung. Chị Quảng Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Quảng Thị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Cà Văn Đ có địa chỉ tại bản HN, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quảng Thị T và anh Cà Văn Đ kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 23/5/2012, tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do anh không chịu lao động, chơi bời sử dụng ma túy dẫn đến nghiện ma túy, mặc dù đã được chị T cùng gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn, việc anh Đ sử dụng ma túy đã ảnh hưởng lớn đến cuộc sống gia đình, ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con cái (anh Đ hiện đang cai nghiện bắt buộc) chị T yêu cầu được ly hôn với anh Cà Văn Đ.

Ý kiến Đ cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, tại phiên hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng không giải quyết được, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Đ.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ, bản tự khai, B bản ghi lời khai, B bản hòa giải và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng chị T, anh Đ không hạnh phúc mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do anh Đ chơi bời, không chịu lao động, nghiện chất ma túy, đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Quảng Thị T và xử cho chị Quảng Thị T được ly hôn anh Cà Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ có hai con chung là cháu Cà Thị B, sinh ngày 17/8/2004 và cháu Cà Văn H, sinh ngày 06/9/2009.

Chị Quảng Thị T và anh Cà Văn Đ đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu.

Tại B bản ghi ý kiến ngày 22/6/2020: Ý kiến của cháu Cà Văn H và cháu Cà Thị B trường hợp bố mẹ ly hôn, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại B bản xác minh thu nhập tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC về nghề nghiệp và mức thu nhập của chị Quảng Thị T và anh Cà Văn Đ: Chị T có nghề nghiệp kinh doanh, có thu nhập. Anh Đ không có nghề nghiệp, nghiện chất ma túy.

Xét thấy chị Quảng Thị T có công việc và thu nhập ổn định, anh Cà Văn Đ không có công việc, thu nhập, anh Đ nghiện ma túy (đang cai nghiện), ý kiến, nguyện vọng được ở với mẹ của hai cháu Cà Văn H và cháu Cà Thị B do đó cần giao hai con cho chị Quảng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chấp nhận chị Quảng Thị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh Đ cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Quảng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[1] Xử cho chị Quảng Thị T được ly hôn anh Cà Văn Đ.

[2] Về con chung: Giao cháu Cà Thị B, sinh ngày 17/8/2004 và cháu Cà Văn H, sinh ngày 06/9/2009 cho chị Quảng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Cà Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung (Chị Quàng Thị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng).

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh Đ cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Quàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo B lai số: AA/2016/0004334, ngày 17 tháng 6 năm 2020, của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị T và anh Cà Văn Đ có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/9/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Nghĩa

Phạm Ngọc Thiệp

Lò Văn Quốc

Vũ Văn Nghĩa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Nghĩa

